

Số: /PGDĐT-CNTT

V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng
công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê
giáo dục năm học 2023-2024

Quảng Yên, ngày tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, TH&THCS,
TH, THCS&THPT trên địa bàn thị xã.

Thực hiện Công văn số 3200/CV-SGD&ĐT ngày 10/11/2023 của Sở Giáo
dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông
tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023-2024; Phòng Giáo dục và
Đào tạo hướng dẫn các trường triển khai thực hiện như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi
số trong quản lý, dạy học và kiểm tra đánh giá. Xây dựng hoàn thiện các cơ sở dữ liệu
ngành Giáo dục, kết nối liên thông dữ liệu trong ngành Giáo dục và kết nối với các cơ
sở dữ liệu quốc gia; Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành
chính qua dịch vụ công trực tuyến và Bộ phận một cửa, một cửa liên thông. Triển khai
thực hiện hiệu quả Đề án của Trung ương¹; Nghị quyết, Kế hoạch của tỉnh²; Kế hoạch
của Sở GDĐT³, Kế hoạch của Phòng GDĐT⁴. Khuyến khích phát triển và khai thác
dữ liệu lớn, giải pháp trí tuệ nhân tạo phù hợp trong giáo dục.

2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng
dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục;
đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục và
trong quản trị các cơ sở giáo dục; tiếp tục xây dựng kho học liệu số chia sẻ dùng
chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo
khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân
hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày
30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục

¹ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của TTCP về “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển
đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

² Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng
Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/03/2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về thực hiện chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch
số 60/KH-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện phát triển ứng dụng dữ liệu dân
cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 25/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển
khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022 – 2025.

³ Kế hoạch số 1027/KH-SGDĐT ngày 05/5/2023 kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục năm 2023.

⁴ Kế hoạch số 719/KH-PGDĐT ngày 06/9/2023 Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng
Yên năm 2023.

phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung như sau:

a) Mỗi cơ sở giáo dục phổ thông chủ động lựa chọn/duy trì sử dụng một nền tảng phần mềm quản lý học tập (LMS) phù hợp, phát huy tối đa lợi ích của LMS đã chọn trong kết nối giữa nhà trường, giáo viên với học sinh (và phụ huynh) và tổ chức các hoạt động giáo dục; đảm bảo tích hợp, kết nối, trao đổi dữ liệu giữa các phần mềm dạy học trực tuyến với phần mềm quản trị ở cơ sở giáo dục.

b) Tăng cường xây dựng học liệu số (bao gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học); đóng góp học liệu video bài giảng theo hướng dẫn của Sở tại Công văn số 2443/SGDĐT-GDPT ngày 31/8/2021, khai thác sử dụng hiệu quả kho học liệu dùng chung của Sở⁵ và của Bộ⁶ trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Chủ động xây dựng phương án lưu trữ, phân loại, quản lý học liệu số phục vụ công tác giáo dục của đơn vị và báo cáo cấp quản lý.

Tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp với trực tiếp (Blended Learning, Hybrid Learning) và lớp học đảo ngược (Flipped Classroom), hình thành phương pháp dạy và học hiện đại phù hợp với xu hướng mới, học sinh tham gia chủ động và chịu trách nhiệm với quá trình hình thành, củng cố và mở rộng kiến thức từ hoạt động tự học trực tuyến (elearning).

c) Tiếp tục sử dụng khai thác hiệu quả phần mềm đã được cung cấp, cài đặt bài giảng điện tử của dự án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến ngành giáo dục và đào tạo tại địa chỉ: <http://lv.quangninh.edu.vn> cho hoạt động dạy và học tại đơn vị. Thường xuyên cập nhật bài giảng, sách giáo khoa, học liệu số và ngân hàng câu hỏi vào hệ thống. Sở GDĐT rà soát, hỗ trợ⁷ và cấp tài khoản cho các đơn vị khai thác, sử dụng trong toàn ngành.

d) Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; khuyến khích thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính đối với những nơi có nhu cầu và đảm bảo điều kiện tổ chức thực hiện (cần có kế hoạch và xác định các bước thực hiện từ triển khai thí điểm đến triển khai nhân rộng một cách phù hợp, đảm bảo chất lượng và hiệu quả).

đ) Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ giáo viên; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến.

e) Rà soát và đề xuất đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy tính dạy môn tin học tối thiểu đáp ứng mức độ cơ bản (mức độ 2 theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT và Quyết định 3051/QĐ-UBND ngày

⁵ <https://bit.ly/sgdqnvideobaigiang>

⁶ <https://igiaoeduc.vn>, <https://www.youtube.com/@igiaoeduc>; Kho học liệu theo các bộ SGK: <https://hoc10.vn>, <https://hanhtrangso.nxbgd.vn>, <https://www.sachmem.vn>.

⁷ Tham gia nhóm zalo hỗ trợ: <https://zalo.me/g/wccxof491>

18/10/2022 của UBND tỉnh) phục vụ dạy môn Tin học. Chú trọng khai thác phòng máy tính cho các hoạt động chuyên môn của nhà trường và các môn học khác ngoài môn Tin học. Xây dựng phòng studio (ở 11 trường⁸ được trang cấp thiết bị thuộc dự án ứng dụng CNTT tiên tiến, những đơn vị có nhu cầu và điều kiện) phục vụ xây dựng học liệu số và dạy học trực tuyến (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ và các phần mềm cần thiết).

g) Các đơn vị thuộc các dự án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến trong ngành giáo dục và dự án trường học thông minh khai thác phòng học được trang bị, các thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến một cách triệt theo hướng dẫn của Sở⁹ nhằm: đổi mới, đồng bộ phương pháp dạy học và phương thức thi, kiểm tra đánh giá người học; dạy học phân hóa theo năng lực nhận thức của học sinh trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông; tiếp tục bồi dưỡng năng lực khai thác và sử dụng thiết bị cho cán bộ, giáo viên.

h) Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (ở những nơi có nhu cầu và điều kiện) bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học, kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

2. Chuyển đổi số trong quản trị các cơ sở giáo dục và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục

a) 100% trường học triển khai nền tảng quản trị dựa trên dữ liệu và công nghệ số, tối thiểu triển khai các phân hệ: quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập), quản lý đội ngũ cán bộ, giáo viên đảm bảo kết nối thông suốt trong hệ thống quản lý trường học trực tuyến của tỉnh¹⁰ và cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục; đồng thời triển khai các phân hệ trong hệ thống quản lý trường học trực tuyến đã được xây dựng: quản lý cơ sở vật chất, quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh và duy trì hệ thống quản lý kế toán đang thực hiện.

b) Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, tiếp tục triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, thực hiện ký số trên hồ sơ của đơn vị (sổ điểm, học bạ điện tử,...); triển khai chữ ký số cho giáo viên; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với cơ sở giáo dục trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website của cơ sở giáo dục.

c) Triệt để khai thác dữ liệu số trên phần mềm quản lý nhà trường trực tuyến và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục để phục vụ công tác quản trị, quản lý chuyên môn, quản lý chất lượng giáo dục và lập kế hoạch. Hàng tháng, nhà trường theo dõi số liệu và quản trị đảm bảo kết quả và mục tiêu giáo dục đã xây dựng.

d) Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

⁸ Tiểu học: Vĩnh Khê (Đông Triều), Cẩm Đông (Cẩm Phà), Trới (Hạ Long); THCS: Bãi Cháy (Hạ Long), Thị trấn Đầm Hà, Thị trấn Tiên Yên, Lê Quý Đôn (Quảng Yên), Hòa Lạc (Móng Cái); THPT: Uông Bí, Hải Đảo, Quảng Hà.

⁹ Công văn số 295/SGDĐT-GDTrH ngày 31/01/2019.

¹⁰ Phần mềm <https://qlth.quangninh.edu.vn>.

- Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục¹¹ đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Bộ GDĐT, Sở GDĐT và của PGDĐT; hoàn thiện dứt điểm việc cập nhật đầy đủ số định danh cá nhân của giáo viên và học sinh; cập nhật đầy đủ kết quả học tập của học sinh trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục theo từng kỳ học; đặc biệt, hoàn thiện đầy đủ thông tin của học sinh lớp 9 phục vụ kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trên địa bàn thị xã.

- Các đơn vị thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông, phân cấp lên cấp trên đúng quy định (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục; Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở GDĐT và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp quản lý. Đặc biệt lưu ý hỗ trợ các Nhóm trẻ mầm non độc lập báo cáo đầy đủ, kịp thời dữ liệu trên hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành theo quy định.

a. Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ

Đẩy mạnh thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt¹².

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Kiện toàn tổ chức, bộ phận phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục

- Đối với Phòng GDĐT: Phân công lãnh đạo phụ trách và chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục. Ban hành quy chế quản lý, duy trì và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT; Thành lập tổ thông tin và truyền thông thực hiện BCĐ 35

- Đối với cơ sở giáo dục: Thành lập hội đồng/tổ công tác thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục; Phân công lãnh đạo phụ trách và viên chức công nghệ thông tin hoặc giáo viên kiêm nhiệm làm đầu mối triển khai.

2. Triển khai hiệu quả việc tự đánh giá và đánh giá ngoài mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên theo kế hoạch và hướng dẫn của Sở GDĐT.

3. Tăng cường công tác thể chế: Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu của đơn vị trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành. Các Phòng GDĐT chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị thuộc phân cấp quản lý; các trường lưu ý việc tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai

¹¹ <https://csdl.moet.gov.vn>

¹² Kế hoạch số 33/KH-PGDĐT ngày 16/01/2023

thác sử dụng dữ liệu theo quy định (giao trách nhiệm các bộ phận chuyên môn rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa đảm bảo tính chính xác của dữ liệu thành phần của từng cấp học trên cơ sở dữ liệu ngành); đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu; thường xuyên phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục.

4. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giáo dục

a) Định kỳ hàng tháng, quý, học kỳ, năm học rà soát và có kế hoạch đề nghị mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục; đảm bảo kết nối cấp quang Internet, dịch vụ Internet không dây trong các cơ sở giáo dục.

b) Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin, cập nhật thường xuyên các cảnh báo lỗi bảo mật của các nhà cung cấp dịch vụ, phần mềm; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

5. Thường xuyên quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh về tầm quan trọng của dữ liệu số, tính cấp thiết của quá trình thực hiện chuyển đổi số trong thúc đẩy hoạt động và nâng cao chất lượng giáo dục; đẩy mạnh công tác về vai trò và kết quả của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên và học sinh về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê trong giáo dục.

Định kỳ hàng tháng, đơn vị rà soát và báo cáo nhanh số liệu theo các mục tiêu chuyển đổi số; báo cáo gửi theo các file trực tuyến. Phòng GDĐT sẽ theo dõi, cập nhật số liệu làm căn cứ đánh giá thi đua, xếp loại của đơn vị trong năm học.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo:

Tổ chức triển khai, chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ và đánh giá kết quả về ứng dụng CNTT; tổ chức kiểm tra đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ CNTT của các đơn vị trường học trên địa bàn thị xã.

2. Các nhà trường:

- Căn cứ nội dung hướng dẫn trên, triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023-2024.

- Tổ chức sơ kết đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số sau khi kết thúc học kỳ 1 năm học 2023-2024 và gửi Phòng GDĐT *(qua bộ phận CNTT để tổng hợp)* **trước ngày 18/01/2024.**

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023-2024; lập báo cáo đánh giá và tự chấm điểm tiêu chí thi đua năm học và gửi Phòng GDĐT *(qua Bộ phận CNTT để tổng hợp)* **trước ngày 30/5/2024.**

- Kèm theo văn bản này là Phụ lục danh sách một số văn bản chỉ đạo trọng tâm của Chính phủ, Bộ GDĐT và của tỉnh liên quan đến triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục để các đơn vị nghiên cứu và quán triệt thực hiện.

Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo về Phòng GDĐT *(qua bộ phận CNTT - đồng chí Nguyễn Quốc Tuấn, SĐT: 0356798530)* để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Lãnh đạo PGD&ĐT;
- Như trên;
- Lưu: VT, CNTT (02).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Thuý Hồng

Phụ lục 1
DANH MỤC VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ
VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023-2024

I. VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, BỘ GDĐT

1. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

2. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

3. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Trong đó Chính phủ giao Bộ GDĐT rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục; đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực GDĐT;

4. Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

5. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trong đó GDĐT là 1/8 lĩnh vực ưu tiên, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành nói chung và Bộ GDĐT nói riêng xây dựng kế hoạch chuyển đổi số;

6. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

7. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025", trong đó có định hướng đến năm 2025, tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai;

8. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030";

9. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030";

10. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;

11. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

12. Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

13. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;

14. Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục;

15. Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục;

16. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

17. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

18. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

19. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông;

20. Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

21. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

22. Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/05/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục.

II. VĂN BẢN CỦA TỈNH, THỊ XÃ

1. Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

2. Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về

thực hiện chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

3. Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

4. Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 25/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022 - 2025;

5. Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 08/06/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

6. Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 18/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022 - 2025 và kế hoạch triển khai năm 2022;

7. Kế hoạch số 34/KH-UBND, ngày 16/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

8. Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

9. Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Truyền thông về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 – 2025.

10. Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030

III. VĂN BẢN CỦA SỞ GDĐT

1. Kế hoạch số 496/KH-SGDĐT ngày 22/02/2022 về chuyển đổi số ngành Giáo dục đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

2. Kế hoạch số 1027/KH-SGDĐT ngày 05/5/2023 kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục năm 2023.

IV. VĂN BẢN CỦA PHÒNG GDĐT

1. Kế hoạch số 125/KH-PGDĐT ngày 28/02/2022 về chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

2. Kế hoạch số 719/KH-PGDĐT ngày 06/9/2023 về kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục năm 2023.

Phụ lục 2
Một số hướng dẫn đối với
phần mềm cơ sở dữ liệu ngành và quản lý nhà trường

- 1) Mọi thao tác thay đổi về nhân sự của đơn vị, thay đổi học sinh (tiếp nhận hoặc chuyển trường) sau khi thực hiện xong đều phải thực hiện cập nhật, đồng bộ ngay trên phần mềm qlth.quangninh.edu.vn với phần mềm cơ sở dữ liệu ngành (csdl.moet.gov.vn).
 - 2) Khi nhận học sinh từ tỉnh khác về trường trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, cần thực hiện xuất thông tin học sinh và cập nhật vào phần mềm qlth.quangninh.edu.vn.
 - 3) Các cơ sở mới thành lập cần tạo mới trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành báo ngay Phòng GDĐT để Bộ phận CNTT liên hệ với kỹ thuật Viettel và cập nhật trên phần mềm qlth.quangninh.edu.vn.
-